

Nguyễn Hiến Lê Trong Đời Tôi

Nguyễn Mộng Giác

Văn Học Nghệ Thuật, số 8 & 9, tháng 12/85 & 1/86

Một sáng chủ nhật cuối năm 1984, có dịp ghé lại một hiệu sách ở quận Cam, giờ tờ báo Đời số Xuân Ất Sửu tôi mới biết tin nhà văn Nguyễn Hiến Lê vừa qua đời tại Việt Nam hôm 22 tháng 12 năm 1984.

Tin đó khiến tôi lặng người bàng hoàng!

Đối với tôi, nhà văn Nguyễn Hiến Lê là một vị thầy uyên bác mà hơn một trăm cuốn sách ông đã xuất bản hướng dẫn tôi suốt các giai đoạn đời. Chẳng những thế, ông còn là một người cầm bút gương mẫu, mà dù cố gắng bao nhiêu đi nữa, tôi vẫn không bao giờ đạt được những thành quả như ông. Sự cần cù hiếu học, sự tôn trọng tinh thần khách quan và nhân bản, sự cẩn trọng đối với chữ nghĩa, đức kiên nhẫn và khiêm nhường... nói chung là những gì cao đẹp nhất ở một nhà trí thức, tôi đều tìm thấy nơi ông.

Thật ra sự kính trọng hay ái mộ đối với một người không do những điều trừu tượng như thế, mà do những cuộc gặp gỡ, những lần tâm sự, những liên lạc thân hữu, những kỷ niệm chung...

So với các bạn hữu cũng thế hệ với tôi, thì tôi đọc sách ông có hơi muộn. Thời kháng chiến chống Pháp, tôi ở vùng liên khu Năm do Cộng sản kiểm soát nên mãi cho đến năm 1955, sau Hiệp định Genève tôi mới biết đến loại sách “*Học làm người*” của ông. Hồi đó, ở tâm trạng một học sinh trung học đệ nhị cấp và đang thời những cái mode suy tưởng du nhập từ châu Âu đang ảnh hưởng lớn lao đến tuổi thanh niên, đọc sách của ông, tôi có cảm giác khó chịu như bị ai đó đánh thức giữa lúc đang say sưa với những giấc mộng xa vời. Văn thơ thời thượng nhắc đi nhắc lại mãi những “*lưu đày*”, những “*nôn mưa*”, những “*choáng váng*” những “*ngộ nhận*”, trong khi ông dịch Dale Carnegie để dạy chúng tôi cách xử thế sao cho khôn khéo, viết *Kim Chỉ Nam Cho Học Sinh* để bày cách đọc sách, cách làm phiếu ghi chép...

Rồi cách kinh doanh, cách học cho giỏi toán, cách chọn một nghề, nói chung là cách

học thế nào để không trở thành Con Người trừu tượng, mà học làm người có thể sống và thành công được giữa lòng xã hội.

Trong khi văn chương báo chí thời thượng đưa chúng tôi đến những thác mắc những tìm kiếm siêu hình, thì sách “*học làm người*” của Nguyễn Hiến Lê đưa chúng tôi trở về những vấn đề thực tiễn trước mắt. Thú thật hồi đó tôi đã *gặp* ông, nhưng đã *bỏ* ông.

Suốt thời gian học đại học, rồi ra trường đi dạy, tôi không lưu tâm đến sách của ông nữa. Tôi vẫn giữ thành kiến là sách của ông đã lỗi thời, chỉ giúp ích cho những người hiếu học mà không có điều kiện đến trường thu nhận một thứ kiến thức có hệ thống và trình bày mạch lạc. Sách ông, theo tôi nghĩ, thật cần thiết cho những ai “*tự học để thành công*” như nhan đề một cuốn sách ông viết.

Nhưng chẳng cần chờ lâu tôi đã nhận ra rằng mình lầm lẫn quá nhiều về ông. Trước hết là những sách khảo cứu và phê bình ông viết về cổ học Trung Hoa và Việt Nam, một thế giới xa xăm huyền nhiệm mà nghề dạy văn chương bắt buộc chúng tôi phải tìm hiểu. Lúc bấy giờ, tôi mới thấy những cuốn như *Đại Cương Văn Học Sử Trung Quốc*, *Luyện Văn*, *Hương Sắc Trong Vườn Văn*, *Ngữ Pháp Việt Nam* (ông viết chung với Trương Văn Chỉnh), *Tô Đông Pha*, *Đông Kinh Nghĩa Thục*, bản dịch *Sử Ký của Tư Mã Thiên*, bản dịch *Chiến Quốc Sách* của ông và ông Giản Chi là quý giá.

Chưa hết! Ông còn giúp tôi làm quen với Somerset Maugham qua dịch phẩm những cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn Anh như *Lưỡi Dao Cạo* (*The Razor's Edge*), *Kiếp Người* (*Of Human Bondage*), hay tập truyện ngắn *Mưa*; giúp tôi cảm phục thêm tài viết tiểu thuyết của văn hào Nga Lev Tolstoi với bản dịch bộ trường thiên tiểu thuyết *Chiến Tranh Và Hoà Bình*; giúp tôi nhận ra được tinh thần minh triết của hai nhà văn hóa André Maurois và Will Durant; giúp tôi lấy lại được niềm vui cuộc sống khi gặp những điều rủi ro với bản dịch cuốn *The Importance of Living* của Lâm

Ngữ Đường (nhan đề bản dịch là *Một Quan Niệm Về Sống Đẹp*). Hai trong năm cuốn sách ảnh hưởng quan trọng đến cuộc đời tôi là cuốn *The Importance of Living* của Lâm Ngữ Đường và *Lessons of History* của Will Durant. Cả hai cuốn đó đều do Nguyễn Hiến Lê dịch ra Việt ngữ.

Từ đó về sau, Nguyễn Hiến Lê hiện diện thường xuyên trong cuộc đời tôi. Càng về sau, tầm nghiên cứu của ông càng rộng, khả năng tổng hợp và nhận định của ông càng bao quát, và với cái nhìn minh triết nhân bản, lúc nào ông cũng giúp tôi hiểu rõ được mấu chốt của từng vấn đề. Đọc sách ông viết, tôi tìm được cảm giác lâng lâng yêu đời và lòng từ ái bát ngát, giống y như lúc tôi đọc những cuốn sách của André Maurois và Will Durant. Về sau, khi đã quen thân với Nguyễn Hiến Lê, tôi được ông xác nhận rằng hai tác giả đó là mẫu mực mà ông luôn luôn mong ước vươn tới.

Năm 1971, sau một thời gian thiếu tự tin và tìm kiếm chính mình, tôi bắt đầu mạnh dạn viết lách. Đó cũng là thời tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung đang hồi thịnh hành nhất, nên tôi viết một tiểu luận ngắn nhan đề *Nỗi Băn khoăn Của Kim Dung*. Tập tiểu luận viết xong đã lâu, một phần có cho đăng ở báo nhà trường hoặc báo in ronéo của thân hữu, nhưng tôi vẫn loay hoay chẳng biết làm gì với tập bản thảo mỏng này. Rồi một người bạn, chẳng hiểu do kinh nghiệm cá nhân hay do đâu, bảo tôi nên gửi bản thảo nhờ Nguyễn Hiến Lê đọc hộ.

Tôi làm theo lời khuyên của bạn, và đúng một tuần sau, tôi nhận được lá thư đầu tiên của Nguyễn Hiến Lê gửi từ địa chỉ đường Kỳ Đồng Sài Gòn. Lá thư dài đến ba trang giấy chữ nhỏ viết cẩn thận rõ ràng, trong đó ông thú thật lâu nay không thích đọc các truyện chường Kim Dung. Tuy nhiên ông nhận thấy những điều tôi ghi nhận về tư tưởng Kim Dung đều đúng. Chưa hết. Ông tỉ mỉ ghi nhận những chỗ tôi viết chưa chính xác, những lỗi chính tả cần sửa. Nhận lá thư đó, tôi sửng sốt và cảm động đến bàng hoàng. Tôi chưa bao giờ tưởng tượng một người cầm bút tiếng tăm như Nguyễn Hiến Lê lại chịu khó ngồi đọc thật kỹ tập bản thảo của một người trẻ xa lạ và sau đó chịu khó ngồi viết thư phúc đáp, với những lời phê bình tỉ mỉ cẩn trọng, chứ không phải chỉ là những câu cảm ơn dãi bôi. Nếu trừ đi hai ngày

thư đi và hai ngày thư về, tôi tính nhẩm, ông Nguyễn Hiến Lê đã dành ba ngày để đọc và góp ý kiến về bản thảo *Nỗi Băn khoăn Của Kim Dung* của tôi. Hai tuần sau, tạp chí Bách Khoa đăng chương đầu của tập bản thảo, và sau này anh Lê Ngô Châu xác nhận rằng chính ông Nguyễn Hiến Lê đã đưa lại cho tòa soạn. Đó là lần đầu tôi có bài đăng trên Bách Khoa, tháng Chín năm 1971.

Từ đó các bài nhận định tổng kết tình hình văn học cuối năm, những truyện ngắn, truyện dài của tôi liên tiếp xuất hiện trên Bách Khoa, do tôi trực tiếp gửi đến tòa soạn. Tháng 11 năm đó, có dịp vào công tác ở Sài Gòn, ghé tòa soạn Bách Khoa, anh Lê Ngô Châu rủ tôi đi thăm Nguyễn Hiến Lê. Đây là lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau, tại căn nhà yên tĩnh sau lưng ngôi chùa ở đường Kỳ Đồng.

Căn phòng khách đó có vẻ biệt tịch khác thường mà bất cứ ai bước chân đến một lần về sau không bao giờ quên được. Một bộ xa-lông xếp đặt mỹ thuật, ngăn nắp. Bức tranh Tàu vẽ ngựa ở bức tường đối diện cửa ra vào. Tranh thầy đồ dạy học ở bức tường phía tay phải. Tiếng dép bước nhẹ ở cầu thang. Một ông già thân hình óm, khuôn mặt xương xương, đôi mắt sáng quắc, mặc bộ đồ bà ba màu trắng. Hộp thuốc rê với những mẩu giấy vắn cắt phân nửa khổ giấy vắn thông thường. Những lời thăm hỏi chân tình. Những nhận xét về những điều đã đọc. Cảnh sống ấy, lối sống ấy, tôi mơ ước biết bao nhiêu năm mà không bao giờ, phải, có lẽ không bao giờ có được. Cuộc sống đơn giản, yên tĩnh để sống trọn với sách vở. Niềm hạnh phúc có được một căn phòng riêng, một bàn viết khuất tịch, khỏi quá lo lắng còm áo để chỉ viết sách cũng đủ sống và sống để viết sách. Giấc mơ ngàn năm, giấc mơ viễn vông của biết bao người cầm bút, mà Nguyễn Hiến Lê đã có được.

Về sau khi đã trở nên thân tình trong không khí ấm cúng của gia đình Bách Khoa, tôi mới biết để thực hiện được giấc mơ đó, Nguyễn Hiến Lê đã có những quyết định khác thường và sự cần cù kiên nhẫn phi thường. Ông đã từng phải lựa chọn giữa hai ngã đường: **một bên là đời sống phẳng lặng ổn định của một công chức nhà nước, một bên là cuộc sống bạc bẽo thiếu thốn của một người cầm bút chân chính.**

Ông đã chọn con đường thứ hai, thôi làm công chức để dành trọn thì giờ viết sách và lo cho nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê. Tính đến cuối năm 1974, ông đã in được 100 cuốn sách đủ loại: biên khảo, dịch thuật, sáng tác, và cuốn nào cũng được viết với một sự cẩn trọng tối đa. Tôi đã từng thắc mắc chẳng hiểu ông tìm được đâu ra thì giờ mà viết được chừng ấy sách. Và tôi đã tìm ra câu trả lời. Ông tự đặt cho mình một thứ kỷ luật sắt và theo đúng được thời khóa biểu làm việc một ngày tám tiếng suốt mấy mươi năm. Một cây bút Bic, bốn tờ giấy trắng có lót giấy than, ông lần lượt viết tay như thế hết cuốn này đến cuốn khác, bất kể mưa nắng, bất kể mạnh khỏe hay đau yếu, ngày nào vì lý do bất khả kháng không viết được thì ngày hôm sau viết bù, cứ như vậy, ông viết, dịch, ghi chép, tìm tài liệu... Cứ tưởng tượng một cụ già mảnh khảnh đau yếu ngồi ở bàn viết hết năm này đến năm khác lần lượt dịch hết bộ *Chiến Tranh Và Hoà Bình* rồi *Sử Ký Tư Mã Thiên*, *Chiếc Cầu Trên Sông Drina*, *Vinh Nhục Một Đời*, khảo về *Văn Minh Trung Hoa* rồi đến *Văn Minh Ấn Độ*, tìm cho được *Bài Học Do Thái*, tìm hiểu *Kinh Dịch* rồi *Tìm Hiểu Tương Lai Nhân Loại Năm 2000*, *Cuộc Đời Tô Đông Pha*... Bấy nhiêu công việc ôm đồm một mình làm hết trong một đời người, hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Vậy mà vẫn còn thì giờ để đọc rất kỹ bất cứ bản thảo hay cuốn sách của bất cứ người viết trẻ vô danh nào gửi tới tặng và xin ý kiến.

Sau năm 1975, mặc dù biết từ đây sách mình viết ra khó lòng tìm ra nơi chịu xuất bản, Nguyễn Hiến Lê vẫn tiếp tục làm việc một ngày tám tiếng cho những tác phẩm dự định biên soạn từ trước. Ông tìm hiểu và khảo cứu trở lại cả nền triết học Trung Hoa. Lúc tôi rời Việt Nam, cuối năm 1981, ông đã viết xong cuốn khảo cứu *Kinh Dịch*, và *Đạo Đức Kinh*. Ông cũng đã sửa chữa và hoàn tất tập hồi ký về cuộc đời viết văn của mình. Lúc nào tôi đến ngôi biệt thự yên tĩnh ở đường Kỳ Đồng để thăm ông, Nguyễn Hiến Lê vẫn hiện ra y như lần đầu tiên tôi gặp: **bộ bà ba trắng, đôi mắt tinh anh sáng quắc, những lời thăm hỏi ân cần, điều thuốc rê nhỏ xíu bên mép và những cuốn sách ông đang viết hay sắp viết.**

Năm 1980, sau khi viết được 1000 trang nửa đầu bộ trường thiên tiểu thuyết *Sông Côn Mùa Lũ* đề tài là cuộc đời vua Quang Trung từ thời hàn vi cho đến lúc mất, tôi mang xấp bản thảo dày cộm đến nhà Nguyễn Hiến Lê nhờ ông đọc hộ. Dù bận viết cho xong bộ *Kinh Dịch*, ông vẫn vui vẻ nhận xấp bản thảo, hẹn một tháng sẽ trả lại cho tôi. Đúng một tháng sau, đến thăm ông, ông đưa cho tôi tập bản thảo với những lời ghi chú phê bình bằng bút chì rất cẩn thận chi tiết. Chẳng hạn ở đoạn tôi tưởng tượng Nguyễn Nhạc (*lúc bấy giờ trên ba mươi tuổi*) gửi hai cậu em Lữ và Huệ xuống An Thái học chữ nho thầy giáo Hiến, tôi có tả cảnh ông anh cả đưa cho Nguyễn Lữ số tiền 50 quan. Nguyễn Lữ đưa tay nhận món tiền của anh, cúi đầu nghe những lời căn dặn, rồi từ biệt ra đi. Nguyễn Hiến Lê lưu ý tôi về số tiền 50 quan này. Vì căn cứ theo *Phủ Biên Tạp Lục* của Lê Quý Đôn, thì hồi đó ở phủ Qui Nhơn tiền lưu hành hầu hết là tiền kẽm, lại là thứ tiền kẽm xấu nặng trình trịch dễ mục dễ vỡ. Năm mươi quan mà tính theo tiền kẽm phải là một xâu tiền nặng, cho nên không thể có cảnh Nguyễn Lữ đưa tay khơi khơi nhận 50 quan của Nguyễn Nhạc được. Cả hai cậu em Huệ Lữ phải khệ nệ mất nhiều sức lấm mới xách nổi xâu tiền. Nên ông đề nghị tôi rút bớt số tiền xuống cho hợp lý.

Lần nào tới thăm ông, tôi đều được học những bài học bất ngờ như vậy. Và mỗi lần gặp ông, tôi đều nhớ lại hai câu thơ cổ:

*Khẳng khái cần vương dị,
Thung dung tựu nghĩa nan.*

Vâng, ông là người không ồn ào, không phô trương hào nhoáng, không cố làm cho người đời thấy mình rực rỡ lóng lánh mà chỉ lặng lẽ làm việc, thung dung đạt được điều nghĩa.

Niềm tin tưởng ở công việc mình làm nơi ông lớn lao quá, đến độ cuộc sống và thời cuộc không ảnh hưởng nhiều đến ông. **Giữa một xã hội chữ nghĩa mất giá, ông vẫn giữ trọn niềm trân trọng đối với chữ nghĩa.**

Tôi cho đó là bài học lớn tôi học được nơi ông.

Nguyễn Mộng Giác